

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 14 - 4-2022

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hảo**.

2. Ông **Huỳnh Chí Trình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2021/TLST – DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn U** – sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của anh **Nguyễn Văn U** là: Anh **Lê Văn L** - sinh năm: 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2021) (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Anh **Bùi Văn C** – sinh năm: 1976 (có mặt).

2. Chị **Bùi Thị Bích T** - sinh năm: 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị R** - sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thị R** là: Anh **Lê Văn L** - sinh năm: 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2022) (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên**

đơn Nguyễn Văn U là anh Lê Văn L trình bày:

Anh Nguyễn Văn U cho chị Bùi Thị Bích T và anh Bùi Văn C vay tiền nhiều lần đến ngày 28/3(âl)/2021 thì anh C đến gặp anh U để hai bên tổng cộng lại số tiền mà chị T và anh C còn thiếu anh U là 1.732.620.000đ. Sau đó anh C trả cho anh U được số tiền là 1.153.000.000đ còn thiếu tiền lại anh U là 579.620.000đ, có làm biên nhận nợ ghi đến ngày 28/4(âl)/2021 thì chị T sẽ trả số nợ còn lại cho anh U, trong biên nhận nợ có anh U và anh C ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ.

Sau đó thì anh U tiếp tục cho chị T và anh C vay tiền nhiều lần đến ngày 13/7(âl)/2021 thì hai bên tổng cộng lại số tiền mà chị T, anh C còn thiếu anh U là 1.880.000.000đ, đến ngày 16/7(âl)/2021 anh C và chị T đã trả cho anh U được số tiền là 360.000.000đ còn thiếu lại anh U số tiền là 1.520.000.000đ, đến ngày 17/7(âl)/2021 chị T, anh C trả cho anh U được số tiền là 300.000.000đ còn thiếu lại anh U số tiền là 1.220.000.000đ, sau đó anh C và chị T đã trả cho anh U được số tiền là 650.000.000đ còn thiếu lại anh U số tiền là 570.000.000đ, anh U ghi vào biên nhận nợ là chị T hẹn ngày 27/7(âl)/2021 trả số nợ còn lại. Trong biên nhận có anh C và anh U cùng ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ. Các lần anh C, chị T trả tiền vay cho anh U có khi thì chị T trả tiền cho anh U, có khi thì anh C trả tiền cho anh U.

Tổng cộng 02 lần anh C, chị T còn thiếu tiền vay của anh U là 1.149.620.000đ.

Sau đó đến ngày hẹn trong biên nhận nợ thì anh U có đến gặp anh C, chị T nhiều lần để yêu cầu anh C, chị T trả số tiền nợ nêu trên nhưng anh C, chị T chỉ hứa mà không trả, đến ngày 18 tháng 9 năm 2021 thì chị T chốt nợ lại thì chị T còn nợ lại anh U số tiền là 930.000.000đ.

Nay anh U yêu cầu chị Bùi Thị Bích T phải trả cho anh U số tiền là 930.000đ, không yêu cầu tính lãi, anh U rU lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị T trả số tiền trên không yêu cầu anh C cùng chị T trả nợ.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 25/3/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Bùi Thị Bích T trình bày:** Chị có vay số tiền 930.000.000đ của chị Nguyễn Thị R (vợ anh Nguyễn Văn U), sau đó do làm ăn thua lỗ nên chị có hứa với chị R là chị sẽ trả dần số tiền trên cho chị R và chị R đã lấy lúa của chị để trừ vào số tiền mà chị đã thiếu chị R, chị R đã lấy lúa của chị tương đương với số tiền 50.000.000đ, hai bên không có làm biên nhận. Nay chị còn thiếu tiền vay của chị R là 880.000.000đ, chị đồng ý trả cho chị R với số tiền là 880.000.000đ.

*** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Bùi Văn C trình bày:** Anh và chị T là vợ chồng, việc chị T có giao dịch làm ăn mua bán với anh U thì anh không biết, anh không có ký tên vào biên nhận nợ, chữ ký trong biên nhận là không phải của anh, anh U rU lại yêu cầu anh cùng chị T trả số tiền 930.000.000đ thì anh đồng ý, anh không có ý kiến gì.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị R là anh Lê Văn L trình bày:** Chị Nguyễn Thị R và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng, khoảng năm 2018 anh U có quen biết và nhận lời đứng ra giới thiệu cho vợ chồng anh Bùi Văn C và chị Bùi Thị Bích T thu

mua lúa trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Long An và khu vực lân cận để hưởng huê hồng.

Trong quá trình mua lúa chị T và anh C có vay tiền nhiều lần để trả tiền mua lúa, bốc vác và các chi phí khác, sau đó các bên tiến hành đối chiếu công nợ và thanh toán sau khi kết thúc mỗi vụ lúa. Khi kết thúc đợt thu mua vụ lúa Đông Xuân năm 2021 anh C, chị T còn nợ lại anh U là 579.620.000đ, và kết thúc vụ hè thu năm 2021 còn nợ lại 570.000.000đ, tổng cộng là 1.149.620.000đ, anh C và chị T hẹn nhiều lần vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh U.

Ngày 18/9/2021 sẵn dịp chị R đi công việc và có đến nhà anh C, chị T đề hỏi về số nợ còn nợ anh U thì chị T có viết biên nhận còn nợ anh U số tiền 930.000.000đ và yêu cầu chị mang biên nhận này về giao cho anh U, do chị R là vợ của anh U nên chị T ghi biên nhận nợ là tên của chị R nhưng thực chất là nợ anh U, số tiền này anh U trực tiếp cho anh C và chị T vay, chị R khẳng định số tiền 930.000.000đ mà chị T ghi trên “*Biên nhận thiếu nợ*” ngày 18/9/2021 là số tiền riêng của anh U cho anh C và chị T vay nên chị R không có tranh chấp hay yêu cầu gì, đối với số tiền 50.000.000đ mà chị T cho rằng đã trả cho chị R thì chị R không có nhận.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Chưa tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U về việc yêu cầu chị Bùi Thị Bích T trả 930.000.000đ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C cùng liên đới với chị Nguyễn Thị Bích T trả số tiền 930.000.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Bích T phải nộp 39.900.000đ.

*** Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:**

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy ủy quyền; Bản tự khai; Biên nhận nợ (bản Cnh).

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Nguyễn Văn U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh U và anh Bùi Văn C và chị Bùi Thị Bích T. Anh C và chị T có nơi cư trú tại ấp

Hiếu Tín, xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rU lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị Bùi Thị Bích T trả số nợ là 930.000.000đ nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Hợp đồng vay tài sản giữa anh U và chị T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Bùi Thị Bích T trả cho anh Nguyễn Văn U số tiền 930.000.000đ và không yêu cầu tính lãi, bị đơn chị T thừa nhận là có viết biên nhận là còn nợ lại chị R số tiền 930.000.000đ và cho rằng đã trả cho chị R 50.000.000đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị R cho rằng số tiền chị T vay là của cá nhân anh U, không phải là của chị R và chị R cũng không có nhận 50.000.000đ của chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh U là có cơ sở. Theo biên nhận nợ ngày 28/3(âl)/2021 và ngày 13/7(âl)/2021 thể hiện anh C và chị T có vay tiền của anh U nhiều lần, sau đó anh C và chị T đã trả nhiều lần cho anh U, theo biên nhận ngày 28/3(âl)/2021 thì anh C và chị T có thiếu tiền lại anh U là 579.620.000đ và theo biên nhận ngày 13/7(âl)/2021 thì anh C và chị T có thiếu tiền lại anh U là 570.000.000đ, tổng cộng là 1.149.620.000đ, cả hai biên nhận đều có hện ngày trả tiền vay còn lại đồng thời có anh U và anh C cùng ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, đến ngày 18/9/2021 chị T có viết biên nhận để chốt nợ lại là còn nợ số tiền 930.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay chị T cũng thừa nhận nhưng chị cho rằng đã trả cho chị R 50.00.000đ nên chị đồng ý trả số tiền 880.000.000đ. Số tiền trên là chị T giao dịch với chị R nhưng chị R không thừa nhận là chị R đã nhận 50.000.000đ và chị R cho rằng số tiền trên là tiền cá nhân của anh U, chị T không cung cấp được chứng cứ là đã trả cho chị R 50.000.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh U, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh U số tiền vay là 930.000.000đ. Anh U không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, về nội dung của vụ kiện là phù hợp với quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U.

Buộc chị Bùi Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn U số tiền vay là 930.000.000đ (Cn trăm ba mươi triệu đồng), anh Nguyễn Văn U không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn C cùng liên đới với chị Bùi Thị Bích T trả số tiền 930.000.000đ (Cn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Bùi Thị Bích T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.900.000đ (Ba mươi Cn triệu Cn trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn U không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn U số tiền tạm ứng án phí 23.244.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0007768 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh

